

Khai thác giá trị văn hóa làng biển trong phát triển sản phẩm du lịch mới đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh BR-VT

Exploiting cultural values of sea villages in developing new tourism products by 2030 in Ba Ria - Vung Tau province

Nguyễn Quang Thái
Trường Đại học Bà Rịa - Vũng Tàu
Email của tác giả liên hệ: [thainq.kt@bvu.edu.vn]

THÔNG TIN	TÓM TẮT
Ngày nhận: 30/07/2021 Ngày nhận lại: 10/09/2021 Duyệt đăng: 18/09/2021 <i>Từ khóa:</i> Văn hóa làng biển, phát triển du lịch, khai thác giá trị, lễ hội, du lịch lễ hội <i>Keywords:</i> Village culture, tourism development, value exploitation, festivals, festival tourism	Bài viết giới thiệu tiềm năng phong phú về văn hóa bản địa của tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (BR-VT) và những gợi ý khai thác giá trị văn hóa làng biển truyền thống nhằm hướng tới mục đích khơi dậy tiềm năng và bảo tồn giá trị nhân văn trong phát triển các sản phẩm du lịch mới của địa phương giai đoạn trước mắt từ nay đến năm 2030 nhằm kích cầu điểm đến du lịch trên địa bàn tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu trong bối cảnh dịch bệnh Covid-19 chưa hoàn toàn được kiểm soát trên toàn cầu. Mặt khác, khẳng định tiềm năng du lịch biển là to lớn, là động lực cho phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội đồng bộ trong tương lai hậu Covid-19. ABSTRACT The article introduces the rich indigenous cultural potential of Ba Ria - Vung Tau province and suggests exploiting the cultural values of traditional sea villages towards the goal of awakening the potential and preserving the Humanistic values in the development of new local tourism products in the immediate period to 2030 in order to stimulate tourism destinations of Ba Ria - Vung Tau province in the context of the outbreak of Covid-19 that hasn't been really fully controlled worldwide. On the other hand, affirming the great potential of sea tourism, it is the driving force for synchronous economic, cultural and social development at the time of post-Covid-19 in the future.

1. Giới thiệu

Ngày nay, du lịch không chỉ là đối tượng quan tâm chính của nhiều quốc gia trên thế giới mà còn là đối tượng nghiên cứu của các ngành khoa học xã hội. Cho đến nay vẫn chưa thực sự có một công trình nghiên cứu nào đề cập đến quá trình phát triển của du lịch biển BR-VT trên góc độ nhân học, văn hóa học, cũng như đề ra những biện pháp nhằm nâng cao khả năng khai thác các giá trị văn hoá làng biển truyền thống vào việc phát huy giá trị vốn có lâu đời gắn liền yếu tố biển, đảo nhằm khai thác loại hình du lịch sinh thái tự nhiên trong phát triển sản phẩm du lịch mới đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh BR-VT tại tỉnh BR-VT một cách có hiệu quả trong giai đoạn hội nhập khu vực và thế giới. Có chăng chỉ là những báo

cáo của tỉnh cũng như một số trang thông tin điện tử đề cập đến sự quảng bá và giới thiệu danh lam thắng cảnh của tỉnh BR-VT. Xuất phát từ thực trạng này, bài viết của tác giả về chủ đề "***Khai thác giá trị văn hóa làng biển trong phát triển sản phẩm du lịch mới đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu***" với mong muốn đóng góp một phần trong định hướng khai thác, bảo tồn và phát triển các sản phẩm du lịch mới, hấp dẫn cho ngành du lịch BR-VT một cách có hiệu quả hơn từ nay đến 2030.

BR-VT, một trong những địa phương nằm trong khu vực được xác định là có nền văn hóa biển phong phú với một hệ thống di sản văn hóa làng biển đặc sắc. Khai thác di sản văn hóa làng biển phục vụ phát triển du lịch thông qua việc tìm hiểu những phong tục, tập quán, tín ngưỡng, những di tích, lễ hội, ẩm thực đến tìm hiểu phương thức mưu sinh của ngư dân và cư dân vùng biển là một trong những giải pháp để thu hút du khách đến với du lịch biển BR-VT, góp phần tạo ra những sản phẩm du lịch văn hóa cộng đồng ven biển đặc trưng cho du lịch BR-VT.

Bài viết này được nghiên cứu hướng vào các mục tiêu cơ bản sau:

- Miêu tả thực trạng các hoạt động du lịch tỉnh BR-VT;
- Khảo sát một số địa bàn có tiềm năng khai thác giá trị du lịch ven bờ;
- Phân tích đối tượng khách du lịch theo hướng văn hóa cộng đồng và hội nhập;
- Khả năng phối hợp giữa các ban ngành và người dân trong hoạt động bảo tồn văn hóa làng nghề ven biển hướng đến phát triển du lịch sinh thái, du lịch văn hóa cộng đồng ven biển theo định hướng phát triển sản phẩm du lịch mới có chất lượng cao của tỉnh BR-VT trong tương lai.

2. Cơ sở lý thuyết

Là một trong 28 tỉnh, thành có biển, BR-VT có bờ biển dài 305,4 km, kéo dài từ thềm lục địa tiếp giáp với quần đảo Trường Sa đến các tỉnh thuộc trung tâm du lịch vùng Nam bộ và Nam Trung bộ, trong đó khoảng 70 km có bãi cát thoải thoải, nước trong xanh với nhiều bãi tắm đẹp quanh năm. Nơi đây chứa đựng hai loại tài nguyên vô cùng quan trọng là dầu mỏ và hải sản với những nguyên liệu, sản vật từ biển hình thành nên yếu tố làng nghề ven biển với những nghề truyền thống đặc trưng vốn có.

Khai thác văn hóa làng biển của tỉnh BR-VT nhằm hướng tới mục đích khơi dậy tiềm năng và bảo tồn giá trị nhân văn trong hoạt động phát triển du lịch cộng đồng địa phương. Trong đó, khẳng định tiềm năng du lịch biển, tạo động lực phát triển kinh tế - văn hóa - xã hội. Nhìn lại những năm qua, ngành Du lịch của tỉnh BR-VT đã có những bước phát triển vượt bậc khi nhiều doanh nghiệp đã đầu tư xây dựng các khu du lịch lớn nhằm khai thác lợi thế về cảnh quan, lịch sử, văn hóa, con người để thu hút khách du lịch trong và ngoài nước. Tuy nhiên, các nhà đầu tư cho du lịch trên địa bàn tỉnh đang chuyển dần sang xây dựng các điểm du lịch mới mang tính tiên tiến, hiện đại hóa, trong khi đó thì việc khai thác loại hình du lịch lễ hội văn hóa, văn hóa làng nghề truyền thống là một thế mạnh và nét đặc trưng vốn có riêng của địa phương thì vẫn chưa được chú trọng. Điều này càng có ý nghĩa hơn đối với ngành du lịch tỉnh BR-VT khi mà du khách quốc tế ngày một đến để tìm hiểu truyền thống văn hóa đặc thù riêng của những vùng ven biển. Việc khai thác và phát huy các làng nghề truyền thống như một chiến lược phát triển bền vững gắn với cộng đồng dân cư địa phương, đồng thời góp phần gìn giữ những nét bản sắc văn hóa lâu đời của các địa phương đã đi vào tiềm thức của người dân trong vùng.

3. Phương pháp nghiên cứu

Phương pháp tổng hợp - phân tích - so sánh - đối chiếu, có đánh giá tổng quát từ những nguồn tư liệu sơ cấp và thứ cấp nhằm tìm ra các yếu tố chung về văn hóa làng biển trong việc khai thác giá trị vật thể và phi vật thể từ các làng nghề truyền thống lâu đời tại tỉnh BR-VT.

Phương pháp điền dã kết hợp quan sát tham dự, sử dụng cho việc sưu tập tài liệu có liên quan xa gần với văn hóa dân gian các vùng ven biển thuộc tỉnh BR-VT. Định vị sản phẩm du lịch văn hóa cộng đồng, xây dựng ý tưởng cho các sản phẩm du lịch mới từ việc khai thác các giá trị văn hóa làng biển đặc sắc.

Phương pháp điều tra xã hội học, được phân tích qua các bảng hỏi đối với người dân và du khách nhằm đánh giá tổng quát về khả năng, thực trạng khai thác các yếu tố nhân văn trong định hướng mô hình du lịch cộng đồng tại tỉnh BR-VT nhằm góp phần dự báo một số giải pháp bảo tồn và phát huy giá trị của văn hóa làng ven biển đưa vào quảng bá du lịch biển theo hướng khai thác du lịch văn hóa cộng đồng.

4. Kết quả nghiên cứu và thảo luận

4.1. Đặt vấn đề

Lịch sử Việt Nam gắn liền với các thôn xóm và làng nghề. Thôn xóm và làng nghề chính là cầu nối cho sự phát triển kinh tế của đất nước qua các thời kỳ, là cầu nối giữa nông nghiệp, thương nghiệp và công nghiệp, giữa nông thôn và thành thị, giữa truyền thống và hiện đại, là bước tiến quan trọng trong quá trình công nghiệp hóa hiện đại hóa đất nước.

Qua bao năm tháng, các thôn xóm và làng nghề đã góp phần đáng kể cho sự tồn vong, sự phát triển kinh tế của địa phương, giải quyết được công ăn việc làm và nâng cao mức sống cho nông dân làng nghề. Quá trình phát triển thôn xóm và làng nghề ở Việt Nam trải qua không ít những thăng trầm, có nhiều thôn xóm, làng nghề tồn tại và phát triển khá mạnh, ngược lại thì đã và đang bị mai một dần và có khả năng biến mất nếu không được quan tâm chăm sóc bảo tồn hợp lý. Trong khó khăn đó, du lịch như là một cứu cánh giúp các thôn xóm nói chung và các làng nghề nói riêng có những biến chuyển đáng khích lệ, trở thành một trong những lĩnh vực đóng góp cho sự phát triển chung của nền kinh tế đất nước.



Hình 1: Đoàn rước kiệu Long vị Ông Nam Hải trên biển, 2017
Nguồn: Trung tâm Xúc tiến thương mại Du lịch BR-VT

Tỉnh BR-VT là một tỉnh ven biển nên đặc thù văn hóa chịu ảnh hưởng rất lớn từ biển. Đặc biệt còn có những thế mạnh to lớn về tự nhiên, kinh tế, xã hội và tài nguyên du lịch. Với bề dày nhân văn và là khu vực sinh thái đặc sắc đa dạng, phong phú trong sự giao thoa giữa các dòng người trong quá trình di chuyển, định cư và phát triển của tỉnh BR-VT. Do nhiều lý do, tỉnh BR-VT thực tế vẫn chưa tận dụng

hết giá trị từ khối tài nguyên to lớn, đặc biệt là khai thác các giá trị tài nguyên nhân văn mà điển hình là nét văn hóa các thôn xóm và làng ven biển. Sự kết hợp điều kiện địa lý tự nhiên với các giá trị văn hóa bản địa để phát triển du lịch như một ngành kinh tế mũi nhọn bên cạnh các ngành công nghiệp dầu khí và logistic cho tỉnh BR-VT là một chuyện cần thiết phải quan tâm sâu sắc trong hiện tại và các giai đoạn phát triển trước mắt đến năm 2030.

4.2. Giới thiệu tiềm năng văn hóa làng biển tỉnh BR-VT

Lồng trong không gian văn hóa du lịch ở Nam Bộ nói riêng và ở Việt Nam nói chung, Tỉnh BR-VT là địa phương có lợi thế tiềm năng rất lớn và được biết đến khá sớm so với nhiều địa phương khác. Lợi thế tiềm năng du lịch tự nhiên với nhiều bãi biển, đảo, cảnh quan khí hậu, đa dạng hệ sinh thái về động thực vật biển được khai thác có hiệu quả và đầy ấn tượng từ khi người Pháp cho xây dựng các cơ sở dịch vụ du lịch từ những năm 1895, nổi bật là thành phố Vũng Tàu - thành phố du lịch, nghỉ dưỡng đầu tiên của Việt Nam được thành lập với tên gọi Cap Sainjacques. Cho đến nay, có thể coi BR-VT đã trải qua 125 năm nhưng vẫn là điểm du lịch nghỉ dưỡng, du lịch biển, du lịch cuối tuần lý tưởng cho khách du lịch.

Vũng Tàu là địa điểm du lịch nổi bật của khu vực Miền Nam, hội tụ tất cả những tiềm năng nổi trội về một “*thiên đường du lịch phức hợp*”. Nơi đây có nhiều tiềm năng về phát triển kinh tế du lịch, là địa chỉ quen thuộc của nhiều du khách trong và ngoài nước đến tham quan, vui chơi, nghỉ dưỡng. Thành phố Vũng Tàu là trung tâm du lịch của tỉnh được thiên nhiên ban tặng với nhiều bãi tắm đẹp, không khí mát mẻ có thể tắm biển quanh năm với bờ biển đẹp kéo dài đến hơn 42km có nhiều bãi cát thoải và nước biển trong xanh. BR-VT với nhiều vùng biển còn hoang sơ đang từng bước được biến mình trở thành những khu du lịch phức hợp được du khách trong và ngoài nước lựa chọn.

Tuy nhiên, các sản phẩm du lịch hiện nay chủ yếu là dựa vào khai thác các dạng tài nguyên du lịch thô sẵn có như: nghỉ dưỡng, tắm biển, tham quan các di tích lịch sử văn hóa... còn khá đơn điệu, không thu hút được khách nghỉ lại dài ngày, đa số khách đi và về trong ngày, sản phẩm du lịch đa dạng kém hấp dẫn, chi tiêu của khách thấp nên hiệu suất kinh doanh du lịch không cao. Do đó, trong bối cảnh đại dịch Covid còn đang diễn ra phức tạp như hiện nay, ngành du lịch tỉnh BR-VT cần thiết phải có những chiến lược, dự án khai thác tiềm năng du lịch sẵn có và hướng đến việc tạo ra những sản phẩm du lịch mới hấp dẫn hơn, có chất lượng cao là rất cần thiết và cũng là bước chuẩn bị cho sự phát triển du lịch thời kỳ hậu Covid với những sản phẩm mới nhằm kích cầu du lịch trong tương lai. Khai thác giá trị văn hóa làng biển trong phát triển sản phẩm du lịch mới là một lợi thế về phát huy những giá trị văn hóa bản địa đặc sắc trong định hướng chiến lược phát triển du lịch của tỉnh BR-VT từ nay đến năm 2030.

4.2.1. Yếu tố văn hóa bản địa

Từ rất lâu, BR-VT có đời sống văn hóa, phong tục tập quán, nghệ thuật, tôn giáo, tín ngưỡng phong phú và đa dạng. Trong sự phong phú và đa dạng đó, BR-VT có những yếu tố văn hóa riêng mà các địa phương láng giềng hoặc không có, hoặc có nhưng không tiêu biểu, rõ nét nhất đó là yếu tố văn hóa bản địa và yếu tố văn hóa làng biển.

Văn hóa bản địa là phong thổ của địa phương, là những đặc điểm và ưu thế riêng về vị trí địa lý, điều kiện tự nhiên tác động trực tiếp và để lại dấu ấn trong đời sống văn hóa của cư dân. Văn hóa của cư dân BR-VT chứa đựng những *dấu ấn phong thổ* (Đình Văn

Hạnh, 2013) không phải chỉ vì sự gấn bó lâu dài của cư dân với vùng đất, mà còn vì ngay từ buổi đầu đến định cư và khai hoang mở đất, những đặc điểm địa lý riêng của vùng đất đã có những tác động nhất định đến cuộc sống của người lưu dân.

Là vùng đất có những cửa biển kín gió rất thuận lợi về giao thông, BR-VT là nơi lưu dân người Việt từ miền Trung vào sớm nhất và được khai phá sớm nhất ở Nam Bộ vào khoảng thế kỷ XVII. Từ đó cho đến giữa thế kỷ XIX, bộ mặt của vùng đất BR-VT đã có những biến đổi sâu sắc. Từ một nơi hoang vu, trước mặt là biển cả, ven biển chỉ có những bãi bồi và rừng ngập mặn; sau lưng là đồi núi, rừng rậm đã trở thành ruộng đồng, làng mạc trù phú. Tài nguyên của đất, của biển, của rừng được dày công khai thác để phục vụ cuộc sống ngày càng sung túc hơn cho con người.



Hình 2: Ảnh minh họa một góc làng biển Vũng Tàu
Nguồn: Sưu tầm

Lưu dân Việt từ miền Trung vào là chủ thể làm nên những biến đổi to lớn ấy. Họ ra đi vì những lý do khác nhau, từ nhiều địa phương khác nhau, nhưng trên vùng đất mới đến họ đều chung một ý chí, một ước vọng là tạo dựng một cuộc sống no ấm, công bằng và tốt đẹp hơn. Hậu duệ của những người đi mở đất tiếp tục đoàn kết, đùm bọc nhau chung sức, chung lòng xây dựng quê hương ngày càng giàu đẹp. Chính tinh thần đoàn kết cộng đồng, cần cù, sáng tạo để vượt qua muôn vàn khó khăn thử thách của buổi đầu mở đất, xây dựng cuộc sống mới đã hun đúc nên truyền thống tốt đẹp của nhân dân BR-VT sau này.

Do BR-VT là nơi đặt chân và khai phá sớm nhất ở Nam Bộ, vì vậy, nơi đây đã trở thành cửa ngõ để tiếp nhận và là bàn đạp để các lớp lưu dân sau đó tiến sâu vào đất liền và tiếp tục tiến về phương Nam. BR-VT lúc ấy là trạm dừng chân, là bước trung chuyển của các đoàn lưu dân (Đình Văn Hạnh, 2013). Chính vai trò gánh vác nhiệm vụ đó trong buổi đầu khai phá và xây dựng đã tạo cho con người BR-VT một tính cách cộng đồng, bao dung, mến khách, thương người. Trong suốt quá trình hình thành và phát triển của mình, BR-VT luôn là “cửa ngõ đón nhận, trung chuyển khách”. Quá trình trung chuyển dân cư cũng chính là quá trình trung chuyển các yếu tố văn hóa của các vùng miền để rồi không ít yếu tố văn hóa đã ngưng đọng, chuyển hóa và trở thành nét riêng trong sự tổng hòa văn hóa vùng đất BR-VT xưa và nay.

4.2.2. Yếu tố văn hóa làng biển

Trong quá trình lao động, khai phá vùng đất BR-VT, cư dân ở đây đã ra sức tận dụng tiềm năng, khai thác lợi thế phát triển nhiều ngành nghề, đặc biệt là đánh bắt, chế biến hải sản, làm muối... Đất đai nông nghiệp của BR-VT không nhiều và quá trình khai phá không nhanh như nhiều địa phương khác trong vùng hoặc ở miền Tây Nam Bộ.

Trong buổi đầu khai phá (thế kỷ XVII), phần lớn đất đai BR-VT bị núi rừng che phủ, vùng đồng bằng có nhiều cỏ dại mọc. Những lưu dân người Việt đầu tiên đến sinh sống trên vùng đất BR-VT đã khai thác tài nguyên thiên nhiên của rừng và biển vốn rất dồi dào và

khai phá đất đai, xây dựng xóm làng. Phần lớn cư dân kết hợp nghề nông với khai thác lâm thổ sản, hoặc kết hợp nghề nông với việc đánh bắt thủy hải sản. Họ sinh sống chủ yếu ở ven biển phía Đông và phía Nam vùng đất BR-VT đã hình thành nên những làng nghề truyền thống ven biển.



Hình 3: Ảnh minh họa làng cá Vũng Tàu
Nguồn: Sưu tầm

Theo thời gian, cư dân đông đúc, ruộng đồng phì nhiêu, ngành nghề phát triển và có sự phân công lao động theo nghề nghiệp. Có những nhóm dân cư sống chủ yếu bằng nghề nông, nghề đánh bắt thủy hải sản, nghề làm muối, làm mắm, nghề thủ công (đúc đồng, dệt vải, làm giấy, đan lát, làm bún, làm bánh), buôn bán... Trong đó, bộ phận dân cư sống bằng nghề đánh bắt thủy hải sản chiếm một tỷ lệ khá cao. Trong các thế kỷ XVIII, XIX, những làng cá ở BR-VT là những làng nổi tiếng trù phú và đông dân cư nhất trong tỉnh như Thắng Nhứt,

Thắng Nhì, Thắng Tam, Phước Tỉnh, Phước Hải...

Hầu hết những người làm nghề đánh bắt thủy hải sản đến BR-VT có nguồn gốc từ vùng “Ngũ Quảng” và chủ yếu là từ Nam Trung Bộ, vốn trước đó là vùng đất thuộc Vương quốc Champa mà trong vòng một vài thế kỷ định cư, cư dân người Việt đã có quá trình giao tiếp văn hóa (Đinh Văn Hạnh, 2013). Người Chăm vốn có truyền thống đi biển, những yếu tố văn hóa biển đặc trưng của người Chăm như tục thờ cúng cá Ông, tục thờ Bà, thờ Mẫu Thiên Y A Na... của họ được ngư dân người Việt tiếp nhận và “Việt hóa”...

Không giống với các tỉnh miền Trung, nghi thức, đối tượng thờ cúng, đặc điểm kiến trúc của các cơ sở tín ngưỡng dân gian ở BR-VT thể hiện sự hỗn dung tín ngưỡng hết sức rõ nét và trở thành một đặc điểm nổi bật rất đáng lưu ý. Đối tượng thờ cúng trong lễ hội của ngư dân BR-VT khá đa dạng. Sự đa dạng đó thể hiện ở số lượng đối tượng tín ngưỡng trong sinh hoạt lễ hội nói chung, ở số lượng đối tượng được phối tự trong mỗi đình, đền, miếu, lăng (đinh) Ông cá Voi cụ thể và quan niệm phức hợp, nhiều quyền năng hội tụ trong một đối tượng thờ cúng trường hợp Bà Cô trong lễ hội Nghinh Cô Long Hải. Sự phối tự mang tính đặc trưng nghề nghiệp đánh bắt hải sản cá Ông, Bà Cô (Nữ thần) là đối tượng thờ cúng quan trọng nhất nhưng luôn có sự phối tự kết hợp. Bên cạnh cá Ông, Bà Cô (Nữ thần) là các vị thần khác (thần của những người làm nghề nông, thần của thương nhân, của những người làm nghề buôn bán), cả thần của nhiều dân tộc và nhiều vùng miền khác nhau (Dương Bá Phượng, 2001)...

Sự hỗn dung tín ngưỡng còn thể hiện rõ trong nghi thức cúng lễ, có thể dễ dàng nhận thấy những chi tiết, nghi thức của cúng đình, cúng miếu ít nhiều được lặp lại trong nghi thức cúng ông cá Voi, cúng bà (Ngũ Hành, Bà Cô-Long Hải). Cầu mưa, cầu an vốn là lễ nghi nông nghiệp cũng được tiến hành trong cúng lễ Nghinh Ông. Cũng dễ dàng nhận thấy sự pha trộn của nghi thức Nghinh Ông, Nghinh Bà trong các bước cúng đình. Đặc biệt, nghi thức Nghinh Cô “vốn là một thiếu nữ bị đuối nước” (Bùi Văn Vượng, 1997) được thực hiện tương tự nghi thức Nghinh Ông cá voi. Các bước tiến hành và cách thức cúng lễ của ngư

dân BR-VT cũng không hoàn toàn giống nghi thức trong các loại hình lễ hội tương tự ở miền Trung và Nam Bộ.

Trong sinh hoạt lễ hội thì hội là phần vui chơi, giải trí. Hội của ngư dân BR-VT thể hiện sự kết hợp khá nhiều hoạt động vui chơi, giải trí của cư dân duyên hải Trung Bộ và Nam Bộ, như hát hò khoan, chèo cạn, trò múa bóng mâm ngũ sắc, mâm vàng, mâm bạc và đua ghe (của vùng Bình-Trị-Thiên); đua ghe, đua thuyền thúng, hát bả trạo, tức chèo thuyền và hát bội (của vùng Nam Trung Bộ) và hát bội, xây chầu, đua ghe, đua thuyền thúng, múa lân, múa rồng, đấu vật (của vùng Nam Bộ). Hát bả trạo là một nội dung quan trọng và thu hút nhiều người thưởng thức trong hội lễ của ngư dân BR-VT trong khi đó các địa phương khác ở Nam Bộ không có loại hình này. Có thể giải thích sự đa dạng trong phối tự, nghi thức thờ cúng, trong các trò diễn dân gian của cư dân ven biển BR-VT từ chính nguồn gốc của họ. Chính cộng đồng đa nguồn gốc đã góp phần làm phong phú và tạo diện mạo đặc trưng của các yếu tố văn hóa biển BR-VT (Đình Văn Hạnh, 2013).



Hình 4: Ảnh minh họa trong Kỳ Yên – Đình Thắng Tam
Nguồn: Tác giả

Về Lễ hội, gắn liền với các di tích là sự hiện hữu sống động đời sống tinh thần của dân cư gắn với các lễ hội truyền thống dân gian. Hiện nay, trên địa bàn tỉnh BR-VT có khoảng hơn 10 lễ hội lớn - nhỏ khác nhau, trong đó có những lễ hội lớn, thu hút hàng chục ngàn người từ các nơi đến tham dự như: Lễ hội Nghinh Ông Nam Hải, Lễ hội Kỳ Yên - Đình Thắng Tam; Lễ hội Đình Cô - Long Hải; Lễ vía Ông Trần - Nhà Lớn Long Sơn; Lễ hội Nghinh Ông Nam Hải; Lễ giỗ

Đức Thánh Trần Hưng Đạo... Đây là những Lễ hội dân gian truyền thống được tổ chức hàng năm nhằm bảo tồn và phát huy các giá trị văn hoá tinh thần của cộng đồng các dân tộc Việt Nam; đáp ứng nhu cầu văn hoá tín ngưỡng của người dân. Các lễ hội đã phản ánh phần nào nét sinh hoạt văn hóa đặc trưng của cộng đồng và đây cũng là dịp thu hút khách du lịch từ khắp nơi về cúng lễ kết hợp tham quan du lịch, tắm biển và nghỉ dưỡng

4.3. Khai thác giá trị văn hóa làng biển trong phát triển sản phẩm du lịch mới của tỉnh BR-VT đến năm 2030.

Bà Rịa-Vũng Tàu còn là địa phương có tiềm năng du lịch nhân văn lớn mà chủ yếu là các giá trị văn hóa bản địa phong phú, đặc sắc, độc đáo trong cách nhìn đa chiều và đa diện, trong sự đối sánh với văn hóa Nam Bộ, được coi là những tiềm năng du lịch to lớn cần được khai thác có hiệu quả và lâu dài cho sự phát triển kinh tế, xã hội nói chung và cho phát triển du lịch nói riêng ở BR-VT, cần nghiên cứu cụ thể để tìm ra những giải pháp phát triển sản phẩm du lịch mới, khác lạ và độc đáo cho giai đoạn trước mắt từ nay đến năm 2030.

Trong rất nhiều giá trị văn hóa của BR-VT, hệ thống di tích lịch sử văn hóa được biết đến nhiều hơn, sớm hơn và đã có sức lan tỏa nhiều nơi, với nhiều thị trường khách du lịch gần xa. Những di tích ấy đã được khai thác với các mức độ khác nhau cho hoạt động du lịch, làm cho du lịch BR-VT có sức hấp dẫn hơn, đa dạng hơn và cũng chứng tỏ sức sống

từ chính các di tích ấy, sự góp phần của các di tích vào đời sống kinh tế, xã hội hôm nay của BR-VT. Các di tích lịch sử, văn hóa đem đến cho khách du lịch những hiểu biết về lịch sử và văn hóa của vùng đất, đồng thời kéo dài được thời gian du lịch một cách hợp lý, thú vị, chưa kể đến những dịch vụ tại chỗ ở các di tích ấy cũng đem lại nguồn thu nhập cho cơ sở và thu nhập xã hội cho dân cư địa phương.

Sự kết hợp giữa du lịch nghỉ dưỡng tắm biển với du lịch, tham quan, tâm linh đã tạo ra những dòng khách lớn cả quốc tế lẫn nội địa. Việc khai thác các giá trị văn hóa nơi đây có thể là thành công dù vẫn còn nhiều việc phải làm. Ở một số di tích lịch sử, văn hóa khác, mức độ khai thác các giá trị văn hóa chưa nhiều và chưa thường xuyên, đặc biệt là với các di tích lịch sử ít có giá trị văn hóa, nghệ thuật.

Các giá trị văn hóa tinh thần, văn hoá phi vật thể của BR-VT cũng khá phong phú, đa dạng, song các lễ hội truyền thống và hiện đại thường có sức hấp dẫn lớn hơn với khách du lịch, các lễ hội này thường gắn việc tôn vinh các giá trị truyền thống của cộng đồng địa phương. Tại BR-VT có tới hàng chục lễ hội có sức thu hút khách du lịch, trong đó có các lễ hội gắn với biển. Những lễ hội gắn với các hoạt động tâm linh - tôn giáo nơi đây cũng thường gắn với biển như Lễ hội Dinh Cô-Long Hải, lễ hội đình Thắng Tam, lễ hội Nghinh Ông... có lợi thế hấp dẫn khách và thường được tổ chức ở gần biển, có hoạt động xúc tiến du lịch thường xuyên. Ngoài ra, các lễ hội tại làng nghề truyền thống, các đình, đền thờ anh hùng liệt nữ như lễ hội Đức Thánh Trần, Giỗ tổ Hùng Vương, các ông tổ nghề, tổ nghiệp... cũng tạo các giá trị văn hóa to lớn, là những tiềm năng du lịch nhân văn cần được tổ chức khai thác để phát huy các giá trị ấy trong tương lai.

Lễ hội và du lịch lễ hội đang và còn là hướng phát triển bền vững có hiệu quả ở Việt Nam nói chung và ở BR-VT nói riêng luôn đồng hành và tồn tại cùng với cư dân các làng nghề truyền thống ven biển. Một thực tế nữa ở BR-VT là các hoạt động mưu sinh nghề biển tại các làng nghề truyền thống trong đánh bắt thủy hải sản thì đây cũng là nơi thể hiện các giá trị văn hóa truyền thống và cả hiện đại qua sự lao động và gắn bó của các nghệ nhân và qua các sản phẩm thủ công mỹ nghệ luôn là những sản phẩm lưu niệm có giá trị tinh thần cho khách du lịch nhằm quảng bá hình ảnh du lịch của BR-VT trong lòng du khách thập phương. Sản phẩm làng nghề vừa có giá trị kinh tế biển, vừa mang giá trị văn hóa biển như những thông điệp tới người sử dụng, người mua dịch vụ, sản phẩm hấp dẫn trong kinh doanh du lịch.

Cùng với hệ thống di tích lịch sử, văn hóa, nghệ thuật, lễ hội, làng nghề thủ công, BR-VT đã xây dựng được một hệ thống bảo tàng, nhà trưng bày, nhà lưu niệm vừa phong phú vừa đặc sắc ở Vũng Tàu, Côn Đảo, ở các huyện. Đây là những nơi dành cho khách tham quan, khách du lịch, nơi quy tụ những hiện vật có giá trị, chứng tích lịch sử nhân văn vô giá của BR-VT. Tuy nhiên, có một thực tế là khi công ty du lịch, hướng dẫn viên du lịch thiếu hiểu biết về các giá trị văn hóa nói chung ở địa phương, thiếu hiểu biết về hệ thống bảo tàng nói riêng thì khách du lịch khó có điều kiện tham quan, tìm hiểu một cách đầy đủ và thú vị.

Sự liên kết trong hoạt động giữa các cơ sở điều hành tour, hướng dẫn viên du lịch, thuyết minh viên tại các bảo tàng chưa thật sự chặt chẽ như những đối tác quan trọng, cùng có lợi vì những mục tiêu chung là giới thiệu, quảng bá các giá trị văn hóa địa phương, đem lại sự hấp dẫn cho khách du lịch. Chính vì thế, các cơ sở đào tạo về nghiệp vụ du lịch tại địa phương cần phải xúc tiến, đa dạng về lĩnh vực, ngành đào tạo liên quan đến hoạt động du lịch như Hướng dẫn viên du lịch chuyên nghiệp, thuyết minh viên tại điểm di tích, Marketing

du lịch, chuyên viên tổ chức sự kiện Du lịch... thay vì phần lớn đào tạo chủ yếu về Quản trị Nhà hàng - Khách sạn như hiện nay.

Trên thực tế, với hệ thống lưu trú và nhà hàng đạt chuẩn quốc tế tại địa phương còn ít ỏi, đếm trên đầu ngón tay, chủ yếu kinh doanh theo tính thời vụ ngắn ngày. Cùng với nhu cầu đào tạo lại về nghiệp vụ phục vụ tại các doanh nghiệp du lịch hiện nay là luôn cần thiết và cũng chính bởi tính thời vụ du lịch cũng đang tạo ra trào lưu người học chủ yếu tập trung về lĩnh vực này. Xét về tính hấp dẫn và bền vững cho ngành du lịch của tỉnh BR-VT thì còn thiếu rất nhiều về đội ngũ nhân lực tham gia giới thiệu, quảng bá, khám phá tiềm năng du lịch địa phương, thiếu sản phẩm du lịch mới và khác lạ, thiếu khuynh hướng kết nối du lịch vùng và quốc tế, vì thế ngành Du lịch tỉnh nhà vẫn luôn dừng chân ở khía cạnh kinh doanh giải trí ngắn ngày và mang tính thời vụ, Cụ thể qua một số minh chứng khảo sát sau:

+ Một số dữ liệu khảo sát từ năm 2020 (208 mẫu) cho thấy du khách đến Tp.Vũng Tàu quan tâm chủ yếu các yếu: đến khí hậu, thời tiết và phong cảnh thiên nhiên; Các di tích lịch sử và di sản văn hóa; Làng nghề thủ công mỹ nghệ; Lễ hội dân gian/festival; Các cơ sở lưu trú/ nghỉ dưỡng. Ngoài ra, một số yếu tố mà du khách quan tâm là các dịch vụ giải trí; Cơ hội mua sắm, quà lưu niệm từ sản phẩm thủ công mỹ nghệ từ biển, giá cả và các loại phí dịch vụ (xem Bảng 1).

Bảng 1.

Các yếu tố mà du khách quan tâm khi đến du lịch tại Vũng Tàu

Nội dung	Số quan sát	Nhỏ nhất	Lớn nhất	Trung bình	Độ lệch chuẩn
Phong cảnh thiên nhiên	208	3	5	3.78	.727
Khí hậu, thời tiết	208	3	5	4.32	.543
Các di tích lịch sử và di sản văn hóa	208	3	5	4.18	.788
Làng nghề thủ công mỹ nghệ	208	3	5	4.36	.862
Lễ hội dân gian/festival	208	3	5	4.18	.549
Các cơ sở lưu trú/ nghỉ dưỡng	208	3	5	4.50	.637
Sự phong phú của các nhà hàng và các món ăn đặc sản	208	3	5	3.84	.779

Nguồn: Tác giả khảo sát năm 2020

Thực tế qua khảo sát về tốc độ tăng trưởng trung bình của số lượng cơ sở lưu trú tại BR-VT đạt 0,60% và 11,48% về số lượng buồng (so với một số tỉnh ven biển). Công suất buồng bình quân vào khoảng 64% (Xem Bảng 2)

Bảng 2

So sánh số lượng buồng phòng của Bà Rịa - Vũng Tàu với một số tỉnh, thành ven biển

Đơn vị tính: buồng

Tên tỉnh	2010	2011	2012	2013	2014	2015	2016	2017	2018	2019	2020
BR-VT	5.171	5.964	6.189	6.722	6.780	7.699	8.520	10.490	11.650	12.442	13.698

Tên tỉnh	2010	2011	2012	2013	2014	2015	2016	2017	2018	2019	2020
Đà Nẵng	4.120	4.239	4.880	5.089	8.738	10.057	13.634	16.200	16.240	16.400	16.540
Quảng Nam	3.513	3.817	3.879	3.993	4.327	4.644	4.720	5.600	5.720	5.800	5.940
Khánh Hòa	8.841	9.400	10.200	10.730	12.048	12.700	14.949	16.146	16.350	16.530	16.580
Bình Thuận	4.575	5.006	5.903	6.090	7.451	8.583	9.295	9.340	9.380	9.500	9.750

Nguồn: Báo cáo Sở DL tỉnh BRVT, Tổng số buồng trên địa bàn, 2020

4.4. Hiệu quả của việc khai thác sản phẩm văn hóa làng biển trong phát triển du lịch sinh thái ven bờ ở tỉnh BR-VT đến 2030

4.4.1. Lợi ích về giá trị kinh tế

Các giá trị văn hóa địa phương, văn hóa biển của địa phương được khai mở làm giàu cho các hoạt động kinh tế, xã hội trong đó có du lịch. Tuy nhiên, nghiên cứu thực trạng cho thấy du lịch mang đậm nét văn hóa làng biển ở BR-VT vẫn còn là loại hình chưa được chú ý, chưa được đầu tư và chưa trở thành một trong hai loại hình du lịch quan trọng nhất đã xác định phát triển lâu dài là du lịch sinh thái cộng đồng và du lịch văn hóa.

Từ thực trạng đó, để khai thác có hiệu quả các giá trị văn hóa làng biển của BR-VT theo hướng kết hợp du lịch sinh thái và văn hóa cộng đồng, đưa du lịch thành ngành kinh tế mũi nhọn của BR-VT cần có chiến lược thống nhất, khoa học với tầm nhìn và sứ mệnh được xác định rõ ràng, thực tế và rất cụ thể với những giải pháp khả thi cả ở hiện tại và trong tương lai, cụ thể tầm nhìn trước mắt đến năm 2030.

4.4.2. Nâng cao ý thức bảo tồn và phát huy những giá trị văn hóa nhân văn

Còn khá nhiều giá trị văn hóa vật thể và phi vật thể, những giá trị góp phần tạo nên bản sắc của vùng đất vươn mình ra biển, hội tụ nhiều tiềm năng du lịch văn hóa to lớn bên cạnh tiềm năng du lịch tự nhiên đầy lợi thế. Những lợi thế hiển nhiên đó đã, đang và còn tạo cho du lịch BR-VT sự phát triển lâu dài. Song cũng từ lợi thế đó, các giá trị văn hóa làng biển của BR-VT dường như còn bị lãng quên. Chính xác hơn, các giá trị văn hóa phong phú, đặc sắc ở nơi đây chưa được chú ý đúng mức, chưa được đầu tư khai thác có hiệu quả như tiềm năng vốn có của nó.

Thông qua việc thiết kế, sáng tạo các sản phẩm du lịch và sản phẩm khác như các biểu trưng đậm phong thái tình người của người dân xứ biển từ sự giao thoa văn hóa của 28 thành phần dân tộc khắp các vùng miền hội tụ nơi đây. Khôi phục lại các sản vật truyền thống lâu đời từ những làng nghề ven biển; các sản phẩm thủ công mỹ nghệ từ khai thác sinh vật biển cũng cần được sản xuất sao cho thể hiện đậm "*chất văn hóa địa phương*" và phù hợp với nhu cầu thị hiếu của khách (huy hiệu, logo, áo, mũ, bút, vật dụng tiện ích cho gia đình hay để trưng bày trên tường, trong tủ, trên bàn, trên xe)... Trí tuệ và sự nhiệt tình cùng với sự kết hợp chặt chẽ giữa Văn hóa, Thông tin và Du lịch ở BR-VT nhất định sẽ cho ra đời những sản phẩm văn hóa vừa lòng khách du lịch. Mặt khác, cần sớm đưa vào khai thác những bảo tàng, nhà trưng bày hiện vật... là nơi giới thiệu một cách súc tích nhất về lịch sử, văn hóa - nghệ thuật, cổ vật của địa phương và các sản phẩm độc đáo, đặc sắc, có hàm lượng văn hóa cao nhằm thu hút du khách gần xa.

4.4.3. Tạo động lực học tập, nâng cao trình độ dân trí của địa phương

Phát triển đúng hướng sẽ là tạo động lực học tập, nâng cao trình độ dân trí của địa phương, cái chính là làm sao để người dân ngộ ra được vấn đề hay giải pháp phát triển xã hội hóa du lịch (*theo như chiến lược phát triển du lịch tỉnh Bình Thuận*). Chính vì vậy, trước mắt cần đào tạo đội ngũ hướng dẫn viên, thuyết minh viên có năng lực, có hiểu biết sâu sắc về các giá trị văn hóa của BR-VT, có khả năng đảm nhiệm tốt vai trò của người giới thiệu, là một sứ giả du lịch thay mặt BR-VT đón tiếp và phục vụ khách tại các di tích, danh thắng, các bảo tàng, các lễ hội, các làng nghề thủ công ven biển. Con người là nguồn lực của mọi nguồn lực, chỉ có con người mới làm cho các giá trị văn hoá của BR-VT được khai thác có hiệu quả, mới mang lại cho khách du lịch những chương trình du lịch văn hóa đầy ấn tượng và hứng khởi (Đinh Trung Kiên, 2013)

4.4.4. Đa dạng hóa nguồn lực lao động có khả năng chuyên môn đáp ứng nhu cầu càng cao và đa dạng của công nghệ du lịch trong giai đoạn hội nhập.

Hiện nay, hướng dẫn viên, thuyết minh viên tại các bảo tàng ở BR-VT đã khá mạnh cả về số lượng và chất lượng. Song còn thiếu các hướng dẫn viên đi tour có đủ năng lực và kiến thức văn hóa, nhất là về các di tích và danh thắng để có thể tự tin xây dựng các chương trình du lịch có các di tích, danh thắng, các làng nghề thủ công ở BR-VT. Đây là một đòi hỏi vừa cấp thiết vừa cơ bản. Đầu tư cho đào tạo con người làm du lịch văn hoá là đầu tư cho tương lai bền vững. Hiện nay, tại các lễ hội, các làng nghề, các đền, chùa, đình miếu ở BR-VT có tình trạng hướng dẫn viên theo đoàn không có khả năng thuyết minh, thay vào đó là những người dân địa phương, những người trông giữ di tích không có nghiệp vụ. Điều này đã làm giảm sức hấp dẫn của di tích, làm nản lòng khách du lịch mà lẽ ra họ phải hào hứng cùng với sự thuyết minh đầy hứng khởi của hướng dẫn viên về bản sắc văn hóa địa phương.

Bên cạnh đó, cần đầu tư cơ bản cho việc thẩm định, chọn lọc các giá trị văn hóa vật thể và phi vật thể để đầu tư tiền của và công sức, trí tuệ cho việc tu bổ, tôn tạo nhằm bảo quản và phát huy các giá trị đó trong các hoạt động du lịch sắp tới. Ngoài các giá trị nổi bật và độc đáo đã được đầu tư, được khai thác như hệ thống trại tù Côn Đảo với các chuồng Cọp, Cầu Tàu, Nghĩa trang Hàng Dương, Thích Ca Phật Đài, Niết Bàn Tịnh Xá, tượng chúa Kitô..., cần tôn tạo lại các di tích lịch sử văn hóa khác như Trại địa pháo cổ Cầu Đá ở phía Bắc núi Lớn và phía Nam núi Nhỏ hướng về mũi Nghinh Phong là những di tích đặc biệt có giá trị không chỉ về mặt quân sự một thời (được coi là hiện đại nhất thế giới vào cuối thế kỷ XIX). Thực tế là khá đông du khách dù ở Vũng Tàu vài ba ngày nhưng không có may mắn được tai nghe mắt thấy, tay sờ vào các di vật lịch sử có từ hơn 100 năm trước, rất đặc sắc và độc đáo như thế. Bởi lẽ, sự hoang tàn dù là tương đối của các trận địa pháo này là sự thật, đường đi cũng không dễ dàng và quan trọng hơn là sự thiếu hiểu biết của hướng dẫn viên du lịch để tổ chức tham quan cho du khách. Đó chỉ là một ví dụ khẳng định sự cần thiết phải đầu tư trí tuệ, công sức, tiền của với hệ thống di tích lịch sử, văn hóa, với các giá trị văn hóa khác của BR-VT.

Cần xây dựng các chương trình lễ hội văn hóa du lịch biển duy trì định kỳ hàng năm ở Vũng Tàu hoặc Long Hải. Có thể coi đây là một dạng Festival du lịch của BR-VT. Tổ chức lễ hội này nhằm giới thiệu các giá trị văn hóa truyền thống và cả hiện đại của các cộng đồng người địa phương, gắn liền với đời sống kinh tế-xã hội ven biển, đảo. Các tập quán

thờ cúng cá Ông, rước té thần biển (Đức ông Nam Hải), các đồ tế lễ, các món ăn đặc trưng, trang phục, nghi lễ... được thể hiện trong lễ hội vừa để khôi phục, bảo tồn các giá trị văn hóa bản địa, vừa nhằm thỏa mãn tâm lý khám phá của du khách. Tổ chức được các lễ hội định kỳ này, BR-VT sẽ quảng bá, khuếch trương và bảo tồn những giá trị văn hóa bản địa lâu đời. Thậm chí, nên chăng có sự góp sức của các doanh nghiệp du lịch, hội đoàn du lịch, tổ chức các cuộc thi văn hóa truyền thống và hiện đại, hoặc mô phỏng lại những tinh hoa nghệ thuật của vùng đất BR-VT được sân khấu hóa các Lễ hội dân gian cũng là một cách khai thác tốt nhất để phục hồi du lịch và thu hút du khách quốc tế đến trong giai đoạn hiện nay. Khách du lịch sẽ có dịp tham gia vào các loại hình du lịch văn hóa và rất nhiều giá trị văn hóa bản địa được khai thác đúng hướng, có hiệu quả và lâu dài.

Mặt khác, các bảo tàng, nhà lưu niệm, nhà trưng bày cùng với các làng nghề thủ công, làng nghề ven biển phải hợp lực để tạo ra những sản phẩm văn hóa đáp ứng nhu cầu, thị hiếu của khách du lịch. Hàng năm có thể bổ sung các thông tin về chợ phiên vùng biển, về lễ hội gắn với văn hóa biển, về dịch vụ du lịch và các sản phẩm văn hóa biển; sản phẩm du lịch mới, khác lạ; phát hành bản đồ du lịch dạng tập gấp hoặc chú trọng và đa dạng thông tin du lịch qua các kênh digital marketing để quảng bá và chỉ dẫn cho du khách ở các vùng lãnh thổ biết nhiều về tài nguyên du lịch BR-VT.

4.4.5. Đa dạng hóa các sản phẩm du lịch trong khai thác và phát triển du lịch sinh thái và văn hóa cộng đồng ven biển.

Du lịch sinh thái (DLST) và văn hóa cộng đồng, loại hình du lịch dựa vào thiên nhiên và văn hóa bản địa gắn với giáo dục môi trường, đang trở thành lựa chọn ngày càng nhiều của du khách cả trong và ngoài nước. Nắm bắt được xu thế đó, ngành du lịch BR-VT với nhiều lợi thế và tiềm năng phát triển du lịch sinh thái, đã và đang có những chính sách và giải pháp cụ thể để phát triển du lịch sinh thái gắn với lợi ích cộng đồng.

Xu hướng dịch chuyển khá mạnh của thị trường du lịch những năm gần đây là nhu cầu tìm về với thiên nhiên, hòa mình vào môi trường hoang sơ để khám phá, trải nghiệm và nghỉ dưỡng. Đây là cơ sở để các địa phương giàu tài nguyên thiên nhiên với những hoạt động văn hóa bản địa đặc sắc, tăng cường đầu tư xây dựng các điểm đến, các tour du lịch mới lạ và tạo ra các sản phẩm DLST và văn hóa cộng đồng hấp dẫn, thu hút du khách. Tuy nhiên, mô hình này vẫn mang tính tự phát, với tâm lý “mạnh ai nấy làm” theo kiểu homestay nhỏ lẻ và khó kiểm soát, dẫn tới tình trạng thiếu sự liên kết giữa các điểm du lịch sinh thái, giữa các doanh nghiệp du lịch và các cơ quan quản lý du lịch để phát hiện, khai thác và tạo ra các sản phẩm mới từ văn hóa làng nghề ven biển phục vụ du khách chưa được phối hợp và đầu tư dẫn đến nguy cơ dần mai một và quên lãng.

Tỉnh BR-VT cần phải định vị sản phẩm du lịch sinh thái và văn hóa cộng đồng theo dạng Homestay trong khai thác du lịch ven bờ và xác định mô hình xây dựng thương hiệu du lịch địa phương mang nét riêng và hiệu quả. Tuy nhiên, cần chú ý đầu tư và phát triển cho các sản phẩm du lịch mới có chất lượng cao theo những nguyên tắc:

- Phát triển có chiều sâu các sản phẩm từ làng nghề truyền thống ven biển một cách phải có hồn.
- Thiết kế mới các sản phẩm du lịch văn hóa làng chài ven biển và các sản phẩm du lịch sinh thái ven bờ.

- Xây dựng các sản phẩm du lịch mới từ việc khai thác các giá trị văn hóa làng biển đặc sắc (tour ngắn ngày, dài ngày... đối tượng khách tiềm năng, du khách quốc tế).
- Xác định khả năng hội nhập văn hóa cộng đồng cho du khách tham gia.
- Đầu tư cảnh quan, cơ sở lưu trú và khôi phục các giá trị văn hóa làng nghề ven biển.
- Xây dựng đội ngũ lao động chuyên biệt hóa trong hoạt động du lịch cộng đồng.
- Điều kiện đón tiếp và hội nhập văn hóa nhân văn cho du khách.
- Huấn luyện, xây dựng mô hình và phương pháp hướng dẫn cho du khách hội nhập và tham gia sinh hoạt với cư dân địa phương, cùng làm ra các sản phẩm từ làng nghề truyền thống đặc trưng vùng ven biển.
- Chính sách ưu đãi cho các nghệ nhân tham gia vào quá trình hoạt động du lịch cộng đồng, hướng dẫn cho du khách cùng thực hiện trong việc làm ra các sản phẩm truyền thống.
- Xây dựng các giải pháp giới thiệu và quảng bá hình ảnh du lịch văn hóa cộng đồng độc đáo cho du khách.
- Phát triển nhân rộng mô hình du lịch sinh thái và văn hóa cộng đồng hướng tới các giải pháp khai thác giá trị văn hóa làng biển truyền thống với những sản phẩm đặc thù để thu hút du khách quốc tế...
- Cần thiết phải có những giải pháp đầu tư và quản lý đồng bộ trong khai thác loại hình DLST và văn hóa cộng đồng ven biển hợp lý, khả thi và có khả năng tiếp nhận về sức chứa một lượng lớn du khách đến quanh năm mà không phụ thuộc vào tính thời vụ du lịch, thậm chí không để gây ra tình trạng quá tải dẫn tới việc thay đổi hiện trạng và nguy hại hơn là sự hủy hoại môi trường, cảnh quan thiên nhiên và ảnh hưởng xấu đến văn hóa bản địa của điểm đến.

5. Kết luận

Với tiềm năng của đất đai, rừng, núi, biển, đảo, dầu khí và du lịch... Với vị thế nhìn ra biển Đông, đứng ngay cửa ngõ của TP.HCM và Nam Bộ, tỉnh BR-VT có lợi thế chiến lược, xung yếu đối với đất nước; có đủ các thế mạnh về lịch sử, tài nguyên thiên nhiên, kinh tế, văn hóa, nhiều di tích, danh thắng... Đó là những điều kiện tối ưu, lý tưởng đảm bảo cho sự phát triển thịnh vượng và bền vững về kinh tế, văn hóa, phát triển du lịch trong cuộc sống hiện đại của đất nước và hội nhập quốc tế. Tuy nhiên, vấn đề nghiên cứu, tổ chức, khai thác những thế mạnh đó để biến tiềm năng thành hiện thực còn đòi hỏi phải có tri thức, vốn và năng lực tổ chức hoạt động, kinh doanh.

Khai thác văn hóa làng nghề ven biển của tỉnh BR-VT nhằm hướng tới mục đích khơi dậy tiềm năng và bảo tồn giá trị văn hóa bản địa trong hoạt động phát triển du lịch cộng đồng địa phương. Trong đó, khẳng định tiềm năng du lịch biển luôn tạo động lực phát triển kinh tế - văn hóa - xã hội từ nay đến năm 2030. Góp phần khởi động nhanh chóng và tạo động lực mới cho ngành Du lịch BR-VT tự tin vươn mình trong thực trạng đại dịch toàn cầu hiện nay.

Tài liệu tham khảo

Bùi Văn Vượng, (1997). *Làng nghề thủ công truyền thống Việt Nam*. Hà Nội: NXB Văn hóa Dân tộc.

Dương Bá Phượng, (2001). *Bảo tồn và phát triển các làng nghề trong quá trình công nghiệp hóa*. Hà Nội: NXB Khoa học xã hội.

Đinh Trung Kiên, (2013). *Khai thác các giá trị văn hóa phong phú, đặc sắc của BR-VT cho hoạt động du lịch*. Bà Rịa - Vũng Tàu: Bảo tàng Dân tộc học tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

Đinh Văn Hạnh, (2013). *Một vài yếu tố văn hóa đặc trưng của vùng đất BR-VT có thể khai thác phục vụ du lịch và tổ chức lễ hội*. Bà Rịa - Vũng Tàu: Bảo tàng Dân tộc học tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

Hoàng Văn Châu - Phan Thị Hồng Yến - Lê Thị Thu Hà, (2007). *Làng nghề du lịch Việt Nam*. Hà Nội: NXB Thống kê.

Phan Khanh, (2013). *Bàn về một chương trình nghiên cứu khoa học góp phần phát triển du lịch văn hóa tỉnh BR-VT*. Bà Rịa - Vũng Tàu: Bảo tàng Dân tộc học tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

Trần Minh Yến, (2004). *Làng nghề truyền thống trong quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa*, Hà Nội: NXB Khoa học xã hội